TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2024/DS-PT Ngày: 18/01/2024 V/v tranh chấp "Q*uyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lấn chiếm*".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải;

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Bùi Thị Thanh Bạch- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lán chiếm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 836/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; (vắng mặt)

2.3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Chị Huỳnh Thị H1, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Số I, đường N, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà đang sử dụng diện tích 447,5 m^2 thuộc thửa 135, tờ bản đồ số 26, tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02863 cấp ngày 30/6/2015. Thời gian gần đây lợi dụng bà đi buôn bán, làm ăn không có ở nhà, ông C, ông Đ, ông H lấn đất của bà làm đường đi, còn diện tích đất công cộng là đường đi thì ông C lấy trồng cỏ nuôi dê. Qua đo đạc thực tế bà chỉ còn lại 404,8m^2, thiếu 43m^2. Nay yêu cầu ông C trả 43m^2.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H trình bày:*

Các ông không có lấn đất của bà N nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 205/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 227; Điều 228; Điều 91; Điều 92; Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166, 203 Luật đất đai; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N về việc đòi ông Nguyễn Văn C trả lại 34,44m^2 đất.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu *ông Nguyễn Văn C* trả lại diện tích lấn chiếm là 43m^2.
- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục

theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị N kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 205/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu *ông Nguyễn Văn C* trả lại diện tích lấn chiếm là trả 43m^2 nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi QSDĐ bị lấn chiếm" là phù hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn *ông Nguyễn Văn C* là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 01/6/2013 (bl 84) thì phần đất bà N được cấp có tứ cận: Bắc giáp Trần Thị T; Nam giáp Lê Văn M, Lê Văn T1; Tây giáp đường công cộng (không có giáp với đất ông C ở phía bên kia đường); Đông giáp Trần Văn Q, Đinh Văn R.

- Theo giấy xác nhận của UBND xã và người dân ấp M thì đường đi công cộng này đã tồn tại từ năm 1975 (bl 61). Bà N, ông C, người dân và chính quyền địa phương cũng đều xác nhận đường đi có từ rất lâu, không nhớ chính xác năm nào. Trước đây là đường đất, năm 2010 các hộ dân đã hùn tiền để đổ bê tông như hiện tại. Khi hùn tiền đổ bê tông bà N cũng có hùn tiền. Ủy ban xác định lối đi là đất công cộng thuộc tổ tự quản số 9.

- Theo sơ đồ thẩm định đo đạt ngày 14/6/2023 thì phần đất bà N tranh chấp là một phần đường đan công cộng nói trên (bl 109). Cũng theo kết quả đo đạc trên thì diện tích đất của bà N thiếu 42,7m^2, còn thửa đất 169 của ông C thiếu 145,2 m^2 (chưa tính phần diện tích tranh chấp 34,44 m^2).

- Hình thể thửa đất của bà N khi thẩm định thực tế và sơ đồ trong giấy chứng nhận QSDĐ là phù hợp nhau không có thay đổi từ đường cong thành đường thẳng như bà N cung cấp.

Từ các chi tiết trên thể hiện bà N cho rằng ông C lấn chiếm đất của bà là không có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N là có cơ sở. Bà kháng cáo mà không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc đòi ông Nguyễn Văn C trả lại 34,44m^2 đất.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0027529 ngày 29/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã G. Bà N đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà N còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006759 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã G. Bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Thị xã G;
- Chi cục THADS Thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân